TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 128/2024/DS-ST
Ngày: 30/8/2024
V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Sỹ Danh Huệ;** Bà **Nguyễn Thị Hoa.**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà**, thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Cúc**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 68/2024/TLST - DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐHPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 38/2024/QĐHPT-DS ngày 24/8/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1970;

Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1970;

HKTT và nơi ở: Thôn 2, xã P, huyện Q, TP. Hà Nội.

Người được nguyên đơn uỷ quyền: Bà **Trần Thị Thu H**, Văn phòng Luật sư Mặt Trời Mới.

Địa chỉ: Số 10 ngõ 35/37 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội *(theo Văn bản uỷ quyền số 2904/2022/UQ/NS-TL ngày 29/4/2022)*.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1975;

HKTT và nơi ở: Thôn 2, xã P, huyện Q, TP. Hà Nội.

Người làm chứng:

Ông **Đỗ Văn S**, sinh năm 1970;

HKTT: Thôn 7, xã P, huyện Q, TP. Hà Nội;

Hiện ở: Thôn 2, xã P, huyện Q, TP. Hà Nội.

Bà Hằng có mặt tại phiên toà; Các đương sự khác đều vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ ba, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 07/9/2022 và tại các bản tự khai, lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 16/02/2014, bị đơn viết Giấy biên nhận vay tiền về việc còn nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc là 800.000.000 đồng và số tiền lãi là 654.000.000 đồng. Tổng cả hai khoản là 1.454.000.000 đồng.

Sau khi cho vay, nguyên đơn đã nhiều lần L hệ, gặp mặt yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay và lãi theo thoả thuận nhưng cho đến nay bà N cố tình lẩn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Nhận thấy hành vi không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền của bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q, giải quyết: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 1.454.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Tôi và anh T chị L là người cùng quê và có chơi thân với nhau.

Năm 2014 tôi có vay của vợ chồng anh T chị L số tiền là 800 triệu đồng. Tôi vay số tiền này hộ ông Nguyễn Anh T cùng thôn là người thân, họ hàng trong gia đình tôi. Khi vay, tôi có viết vào sổ cho vay tiền do anh T chị L đưa với nội dụng chính là tôi vay anh T chị L 800 triệu đồng (sổ này anh T chị L giữ, tôi không có chụp hay lưu giữ bản nào). Do tin tưởng nên hai bên thỏa thuận miệng với nhau về việc không tính lãi đối với khoản vay này và cũng không xác định thời hạn trả nợ là bao lâu. Sau đó, vợ chồng anh T chị L có đưa đủ cho tôi 800 triệu đồng, đưa làm nhiều lần.

Kể từ sau khi vay, tôi đã trả tiền nhiều lần trả nợ cho anh T chị L. Tính đến nay số tiền tôi đã trả tổng cộng là 300 triệu đồng (bằng hình thức chuyển khoản và đưa tiền mặt).

Đến ngày 16/02/2014, chị L có gặp tôi nói chuyện và bảo với tôi viết cho chị 01 Giấy biên nhận vay tiền để chị L đưa cho những người nợ khác nhằm cho họ xem và biết là vợ chồng chị cho tôi vay tiền là có lấy lãi suất, còn thực tế chị

L và tôi cùng thỏa thuận với nhau là vợ chồng chị vẫn cho tôi vay nợ mà không tính lãi. Vì là chỗ quen biết nên tôi đã tin tưởng và đã viết cho chị L 01 Giấy biên nhận vay tiền ngày 16/02/2014 với nội dung là: *"Hôm nay ngày 16/02/2014. Tôi có vay của anh T, L P, Phú Sơn, Q, Hà Nội với tổng số tiền gốc là 800 triệu, lãi là 654 triệu. Tổng cả hai khoản là 1.454 triệu (một tỷ bốn trăm năm tư triệu). Tôi cam kết có vay số tiền trên nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. (mọi giấy tờ vay tiền từ trước tới hôm ngày 16/02/2014 không có giá trị với tôi và anh T mà chỉ có giấy này là có hiệu lực vay tiền."* Dưới mục người vay tiên tôi đã ký tên và ghi đây đủ họ và tên. Do đó, tôi xác nhận tính đến nay tôi chỉ còn nợ anh T chị L tổng nợ gốc là 500 triệu đồng và không có lãi.

Do khi vay tôi không nói cho chồng tôi biết, mà tôi cũng vay hộ ông Nguyễn Anh T nên tôi không sử dụng số tiền này vào việc chung của gia đình nên chồng tôi là anh Đỗ Văn S không biết và không có L quan đến khoản vay này.

Nay anh T và chị L đã có đơn khởi kiện để buộc tôi phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi là 1.454.000.000 đồng. Tôi có ý kiến là: Theo thỏa thuận giữa tôi với anh T chị L thì anh T, chị L cho tôi vay tiền và không lấy lãi. Quá trình trả nợ, tôi đã trả được 300 triệu đồng nên tôi chỉ đồng ý trả anh T chị L số tiền nợ còn lại 500 triệu đồng.

Tôi đề nghị Tòa án buộc anh T chị L phải xuất trình những giấy tờ có L quan đến khoản nợ này của tôi trước ngày 16/02/2014 (do tôi không được giữ bản nào) đề chứng minh việc chúng tôi cho nhau vay và không lấy lãi.

Mọi giấy tờ có L quan đến việc tôi đã trả được cho anh T chị L tiền 300 triệu đồng thì tôi sẽ cung cấp cho Tòa án sau vì hiện nay tôi vẫn chưa tìm thấy. Trường hợp nếu tôi không tìm thấy thì tôi đề nghị Tòa căn cứ vào lời khai của tôi cũng như các chứng cứ Tòa án đã thu thập được đề giải quyết vụ án the quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2024, Toà án nhân dân huyện Q đã tống đạt Thông báo số 35/2024/TB-TA cho các đương sự yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ L quan tới khoản vay, về thời gian bắt đầu cho vay và lãi suất cho vay để Toà có căn cứ giải quyết vụ án trên.

** Tại phiên tòa,*

- *Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn* xuất trình cho Toà án hai giấy biên nhận vay tiền. Gấy thứ nhất ghi ngày 16/9/2011 thể hiện ngày 16/9/2011 bà L cho bà N vay tổng số 800 triệu đồng. Cụ thể ngày 14/8/2011 cho vay 500

triệu đồng; Ngày 17/8/2011 cho vay 100 triệu đồng; ngày 16/9/2011 cho vay 300 triệu đồng; trừ đi 100 triệu đồng còn lại 800 triệu đồng; Mục đích sử dụng vốn là sử dụng riêng. Và hai bên ký tên bên cho vay và bên vay.

Giấy vay thứ hai: hai bên chốt đến ngày 5/2/2013, tổng số gốc là 800 triệu đồng; lãi là 252 triệu trừ đi 35 triệu còn lại 217 triệu. Cộng cả gốc và lãi là 1.017.000.000 đồng. Lãi của 800 triệu trong vòng 7 tháng kể từ ngày 16/5/2012 đến 16/12/2012 là 168 triệu đồng. Cộng cả 3 khoản là 1.185.000.000 đồng.

- *Bị đơn* đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu quan điểm tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đầy đủ, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án kiểm sát nghiên cứu đúng quy định phiên tòa HĐXX đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả nợ gốc: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 800 triệu đồng nợ gốc theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 16/02/2014.

Đối với yêu cầu trả nợ lãi đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí DSST; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn 2, xã P, huyện Q, TP. Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35;

Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q.

[2] Về nội dung:

Theo các bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 16/02/2014, bị đơn đã tự viết Giấy biên nhận vay tiền để xác nhận còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 1.454.000.000 đồng (bao gồm 800.000.000 đồng nợ gốc và 654.000.000 đồng nợ lãi) và có ký tên đầy đủ. Chữ ký và chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền đều là của bị đơn. Nội dung và hình thức của Giấy biên nhận vay tiền không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên về quyền và nghĩa vụ.

2.1. Về yêu cầu trả nợ gốc:

Quá trình trả nợ, nguyên đơn trình bày là bị đơn chưa trả được cho nguyên đơn đồng nào. Còn bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn 300.000.000 đồng nợ gốc nhưng không cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả nợ nên HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu chỉ trả 500.000.000 đồng nợ gốc của bị đơn.

Nguyên đơn đã xuất trình Giấy biên nhận vay tiền ngày 16/02/2014; Giấy vay tiền ngày 16/12/2012; Giấy vay tiền ngày 16/9/2011 Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn cho bị đơn vay 3 lần cụ thể vào các ngày 14/8/2011 là 500 triệu đồng; Ngày 17/8/2011 là 100 triệu đồng; Ngày 16/9/2011 là 300 triệu đồng, Trừ đi 100 triệu còn lại 800 triệu đồng. Tổng cộng số tiền gốc nguyên đơn cho bị đơn vay là 800 triệu đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 800 triệu đồng, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng *(Tám trăm triệu đồng)*.

2.2. Về yêu cầu trả nợ lãi:

Ngày 19/8/2024 Tòa án đã ra Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để yêu cầu nguyên đơn và bị đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ L quan đến khoản vay về thời gian bắt đầu cho vay và lãi suất cho vay đến nay, nguyên đơn đã cung cấp cho Toà hai giấy vay tiền đã nói trên. Còn bị đơn vẫn chưa cung cấp được cho Tòa án bất cứ tài liệu nào. Qua xem xét tài liệu của nguyên đơn cung cấp thì thấy lãi suất trong giấy vay là 3% tháng vượt quá mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự 2005 quy định.

Theo giấy vay tiền thì thời hạn vay từ 16/9/2011 đến ngày 16/2/2014 là 29 tháng; Lãi suất theo quy định là lãi suất cơ bản năm 2014 là 7% năm x150% lãi suất cơ bản là 10,5 %/ năm = 0,875%/ tháng.

Số tiền lãi là 800.000.000 đồng x 0,875%/tháng x 29 tháng = 203.000.000 đồng. Đã trả 35.000.000 đồng còn phải trả 168.000.000 đồng

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 161, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 07/9/2022 của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho ông T và bà L tổng số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng *(Tám trăm triệu đồng)*. Số tiền lãi là 168.000.000 đồng. Tổng cả hai khoản là 968.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác đối với yêu cầu bà N trả nợ lãi khi ông T và bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và cung cấp được tài

liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 36.000.000 đồng *(Ba mươi sáu triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông T và bà L số tiền 27.810.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu, tám trăm mười nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019967 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản sao bản án hợp lệ./.

Nơi gửi:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện Q;*
- *Chi cục THADS Q;*
- *Lưu hồ sơ, dán án;*
- *Các đương sự.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: 71A/BBNA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc*** Q, *ngày 08 tháng 9 năm 2023.*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Thanh.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Sỹ Danh Huệ**; Ông **Tạ Văn Thắng**.

Căn cứ vào các Điều 264 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành thảo luận nghị án đối với vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa ông Nguyễn Huyền Đức và ông Bùi Mạnh Cường.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và xem xét đầy đủ ý kiến của những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết những vấn đề sau:

1. <u>Về điều luật áp dụng</u>:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 161, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

***2. <u>Về nội dung:</u>* Xử:**

2.1. Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 18/02/2023 và yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện tại phiên tòa của ông Nguyễn Huyền Đức.

2.2. Buộc ông Bùi Mạnh Cường có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huyền Đức tổng số tiền gốc vay là 41.400.000 đồng; Số tiền lãi từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/8/2023 là 41.400.000 đồng x 20% : 12 tháng x 4 tháng = 2.760.000 đồng.

Tổng cả hai khoản là **44.160.000 đồng** *(Bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 09/9/2023) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, nếu ông Cường vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng ông Cường còn phải trả ông Đức số tiền lãi đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. *Về án phí:*

Buộc ông Cường phải chịu 2.008.000 *(hai triệu không trăm linh tám nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Đức không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Đức số tiền 2.850.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000538 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản sao bản án hợp lệ./.

Kết quả biểu quyết: 3/3.